

UBND TỈNH SÓC TRĂNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ Y TẾ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /SYT-NVYD Sóc Trăng, ngày tháng 7 năm 2024

V/v Áp dụng mức thu phí theo
Thông tư số 43/2024/TT-BTC
ngày 28/6/2024 của Bộ Tài chính.

KHẨN

Kính gửi:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng;
- Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;

Căn cứ Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh;

Căn cứ Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế;

Căn cứ Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm.

Thực hiện quy định pháp luật phí, lệ phí và chủ trương nêu trên nhằm tiếp tục tháo gỡ, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh; Sở Y tế đã rà soát 04 thủ tục hành chính về lĩnh vực an toàn thực phẩm áp dụng mức thu phí tại Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 và 20 thủ tục hành chính về lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh; lĩnh vực trang thiết bị, công trình y tế; lĩnh vực y tế dự phòng áp dụng mức thu phí tại Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023.

Để kịp thời thực hiện việc thu phí theo quy định tại Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 về quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh; Sở Y tế Sóc Trăng cập nhật mức phí trên Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo danh sách.

(Đính kèm danh sách thủ tục hành chính áp dụng mức thu).

Thời gian áp dụng mức thu phí kể từ ngày 01/07/2024 đến hết ngày 31/12/2024, trong đó:

- Mức thu phí trong lĩnh vực an toàn thực phẩm là 90% mức thu phí của Thông tư 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính.

- Mức thu phí trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh; lĩnh vực trang thiết bị và công trình y tế, lĩnh vực y tế dự phòng là 70% mức thu phí của Thông tư 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính.

Kể từ ngày 01/01/2025 áp dụng mức thu phí trong lĩnh vực an toàn thực phẩm; lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh; lĩnh vực trang thiết bị và công trình y tế; lĩnh vực y tế dự phòng theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- WEB SYT;
- Lưu: HC-TC, NVY-D.

GIÁM ĐỐC

Võ Quốc Trứ

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM CÓ MỨC PHÍ THỰC HIỆN MỨC THU THEO THÔNG TƯ 67/2021/TT-BTC NGÀY 05/8/2021 VÀ THÔNG TƯ 43/2024/TT-BTC NGÀY 28/06/2024 CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Công văn số: /SYT-NVYD, ngày tháng 7 năm 2024 của Sở Y tế)

STT	Mã thủ tục trên cổng dịch vụ công quốc gia	Tên thủ tục	Phí thực hiện mức thu 90% theo Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính (từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024)	Phí áp dụng áp dụng sau ngày 31/12/2024
I	LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG			
1	1.003348	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	1.350.000	1.500.000
2	1.003332	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	1.350.000	1.500.000
3	1.003.108	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	990.000	1.100.000

STT	Mã thủ tục trên cổng dịch vụ công quốc gia	Tên thủ tục	Phí thực hiện mức thu 90% theo Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính (từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024)	Phí áp dụng áp dụng sau ngày 31/12/2024
4	1.002.425	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Phí: 450.000 đồng /lần/cơ sở (đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm) - Phí: 2.250.000 đồng/lần/cơ sở (đối với cơ sở sản xuất khác được giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm) - Phí: 630.000 đồng /lần/cơ sở (đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống phục vụ dưới 200 suất ăn) - Phí: 900.000 đồng /lần/cơ sở (đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống phục vụ từ 200 suất ăn trở lên) - Phí: 900.000 đồng /lần/cơ sở đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm 	<ul style="list-style-type: none"> '- Phí: 500.000 đồng /lần/cơ sở (đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm) - Phí: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở (đối với cơ sở sản xuất khác được giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm) - Phí: 700.000 đồng /lần/cơ sở (đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống phục vụ dưới 200 suất ăn) - Phí: 1.000.000 đồng /lần/cơ sở (đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống phục vụ từ 200 suất ăn trở lên) - Phí: 1.000.000 đồng /lần/cơ sở đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC Y TẾ CÓ MỨC PHÍ THỰC HIỆN MỨC THU THEO THÔNG TƯ 59/2023/TT-BTC NGÀY 30/8/2023 VÀ THÔNG TƯ 43/2024/TT-BTC NGÀY 28/06/2024 CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Công văn số: /SYT-NVYD, ngày tháng 7 năm 2024 của Sở Y tế)

STT	Mã thủ tục trên cổng dịch vụ công quốc gia	Tên thủ tục	Phí thực hiện mức thu 70% theo Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính (từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024)	Phí áp dụng áp dụng sau ngày 31/12/2024
I	LĨNH VỰC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH			
1	1.012.292	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	301.000	430.000
2	1.012.291	Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	301.000	430.000
3	1.012.290	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	301.000	430.000
4	1.012.279	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	- 1.050.000 đồng/ lần (không thu phí đối với trường hợp cấp sai do	- 1.500.000 đồng/ lần (không thu phí đối với trường hợp

STT	Mã thủ tục trên cổng dịch vụ công quốc gia	Tên thủ tục	Phí thực hiện mức thu 70% theo Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính (từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024)	Phí áp dụng áp dụng sau ngày 31/12/2024
			lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp)	cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp)
5	1.012.278	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	(không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp) - 7.350.000 đồng/ lần đối với bệnh viện; - 3.990.000 đồng/ lần đối với phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, cơ sở khám bệnh chữa bệnh Y học gia đình; - 2.170.000 đồng/ lần đối với Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế; - 3.010.000 đồng/ lần đối với Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng.	(không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp) - 10.500.000 đồng/ lần đối với bệnh viện; - 5.700.000 đồng/ lần đối với phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, cơ sở khám bệnh chữa bệnh Y học gia đình; - 3.100.000 đồng/ lần đối với Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế; - 4.300.000 đồng/ lần đối với Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng.
6	1.012.289	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	301.000	430.000

STT	Mã thủ tục trên cổng dịch vụ công quốc gia	Tên thủ tục	Phí thực hiện mức thu 70% theo Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính (từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024)	Phí áp dụng áp dụng sau ngày 31/12/2024
7	1.012.280	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	(không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp) - 1.050.000 đồng/ lần đối với trường hợp không phải thẩm định thực tế tại cơ sở: - Trường hợp phải thẩm định thực tế tại cơ sở: + 3.010.000 đồng/ lần đối với Bệnh viện, Phòng khám đa khoa, Nhà hộ sinh, Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng + 2.170.000 đồng/ lần đối với Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế	(không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp) - 1.500.000 đồng/ lần đối với trường hợp không phải thẩm định thực tế tại cơ sở: - Trường hợp phải thẩm định thực tế tại cơ sở: + 4.300.000 đồng/ lần đối với Bệnh viện, Phòng khám đa khoa, Nhà hộ sinh, Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng + 3.100.000 đồng/ lần đối với Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế
8	1.012.272	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	- 105.000 đồng đối với trường hợp mất hoặc hư hỏng hoặc thay đổi một trong các thông tin hoặc sai sót thông tin; - 301.000 đồng đối với các trường hợp còn lại	- 150.000 đồng đối với trường hợp mất hoặc hư hỏng hoặc thay đổi một trong các thông tin hoặc sai sót thông tin; - 430.000 đồng đối với các trường hợp còn lại
9	1.012.271	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	301.000	430.000

STT	Mã thủ tục trên cổng dịch vụ công quốc gia	Tên thủ tục	Phí thực hiện mức thu 70% theo Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính (từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024)	Phí áp dụng áp dụng sau ngày 31/12/2024
10	1.012.259	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	301.000	430.000
11	1.012.270	Điều chỉnh giấy phép hành nghề	301.000	430.000
12	1.012.265	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	- 105.000 đồng đối với trường hợp mất hoặc hư hỏng; - 301.000 đồng đối với các trường hợp còn lại	- 150.000 đồng đối với trường hợp mất hoặc hư hỏng; - 430.000 đồng đối với các trường hợp còn lại
13	1.002.464	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	700.000	1.000.000
14	1.000.562	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	700.000	1.000.000
15	1.000.511	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	700.000	1.000.000
II	LĨNH VỰC TRANG THIẾT BỊ VÀ CÔNG TRÌNH Y TẾ			
16	1.003.039	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	2.100.000	3.000.000
17	1.003.029	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B	- Phí thẩm định công bố loại A: 700.000 đồng/ 1 hồ sơ	- Phí thẩm định công bố loại A: 1.000.000 đồng/ 1 hồ sơ
			- Phí thẩm định công bố loại B: 2.100.000 đồng/ 1 hồ sơ	- Phí thẩm định công bố loại B: 3.000.000 đồng/ 1 hồ sơ

STT	Mã thủ tục trên cổng dịch vụ công quốc gia	Tên thủ tục	Phí thực hiện mức thu 70% theo Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính (từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024)	Phí áp dụng áp dụng sau ngày 31/12/2024
18	1.003.006	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	2.100.000	3.000.000
III LĨNH VỰC Y TẾ DỰ PHÒNG				
19	1.002.467	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	210.000	300.000
20	1.002.944	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	210.000	300.000